

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 113/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hàm Thuận Bắc, ngày 01 tháng 6 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản nợ chung*”; Thụ lý theo yêu cầu độc lập ngày 06/5/2021; Ngày 10/5/2021, Ngày 11/5/2021 về, “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị B – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn : Anh Lâm Vĩnh B – Sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ông Lâm Vĩnh D – Sinh năm 1965
- Bà Trần Thị T – Sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Lê Văn U – Sinh năm 1967
- Bà Phạm Thị T – Sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

- Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: 382 T, phường L, TP P, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K: Ông Nguyễn Văn H. Theo giấy ủy quyền ghi ngày 06/5/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Quỹ tín dụng nhân dân H

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân H: Ông Võ Phúc T – sinh năm 1979. Theo giấy ủy quyền ghi ngày 21/5/2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Khoản 2 Điều 57, Điều 58, 59, 60, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị B và anh Lâm Vĩnh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Lê Thị B được quyền tiếp tục nuôi 02 con tên Lâm Vĩnh H – sinh ngày 01/8/2014; Lâm Vĩnh H – sinh ngày 01/8/2014.

Anh Lâm Vĩnh B chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng/02 con, mỗi con 1.500.000đồng từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Lâm Vĩnh B có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về tài sản, nợ chung :

Giao toàn bộ các tài sản chung của vợ chồng bao gồm: 01 Nhà cấp 4 xây dựng diện tích 100m² được xây dựng trên thửa đất số 300, tờ bản đồ số 90 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 170784 đứng tên ông Lâm Vĩnh D, bà Trần Thị T tặng cho anh Lâm Vĩnh B theo hồ sơ số 1081.TA.6282 ngày 05/12/2006 trị giá 450.000.000đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng); 01 Xe tải hiệu THACO biển số 86C – 103.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016167 ngày 28/5/2018

đứng tên Lâm Vĩnh B trị giá 550.000.000đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) cho anh Lâm Vĩnh B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng.

Anh Lâm Vĩnh B chịu trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng bao gồm:

+ Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền nợ tính đến ngày 24/5/2021 tổng cộng là 325.739.400đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi là 25.739.400đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/5/2021 theo hợp đồng vay số 2019001216 ngày 02 tháng 10 năm 2019.

+ Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 24/5/2021 tổng cộng là 242.446.268đồng, trong đó tiền gốc là 225.720.000đồng, lãi trong hạn là 16.070.027đồng; Lãi chậm trả là 345.409đồng, lãi quá hạn: 310.832 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/5/2021 theo hợp đồng 262/18/HĐTD/2500 – 7449 ký ngày 30/5/2018.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật nếu anh Lâm Vĩnh B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K. Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp tại theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 262/18/HĐTC – MMTB /2500 – 7449 ngày 30/5/2018;

Trường hợp sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật nếu anh Lâm Vĩnh B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân H. Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp tại theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3306 ngày 02 tháng 10 năm 2019.

+ Bà Trần Thị Th, ông Lâm Vĩnh D tổng cộng số tiền là 146.968.800 đồng và 01 cây vàng 24K (trị giá 01 cây vàng tại thời điểm giải quyết là 52.000.000đồng).

+ Bà Phạm Thị T, Ông Lê Văn U số tiền là 50.000.000đồng và 01 cây vàng 24K (trị giá 01 cây vàng tại thời điểm giải quyết là 52.000.000đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mục lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Tổng cộng số tiền nợ anh Lâm Vĩnh B phải trả là 869.154.468đồng.

Anh Lâm Vĩnh B có trách nhiệm hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Lê Thị B số tiền là 65.422.766đồng (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng).

Chị Lê Thị B được nhận số tiền chênh lệch chia tài sản do anh Lâm Vĩnh B hoàn trả là 65.422.766đồng (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông Lâm Vĩnh D, bà Trần Thị T, bà Phạm Thị T, ông Lê Văn U, anh Nguyễn Văn H, anh Võ Phúc T đồng ý thống nhất theo thỏa thuận của anh Lâm Vĩnh B, chị Lê Thị B.

- Về án phí:

Chị Lê Thị B thỏa thuận chịu 150.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 1.635.569đồng án phí dân sự phân chia tài sản; 10.864.430đồng án phí dân sự phần nợ chung. Tổng cộng 12.649.999đồng. Sau khi trừ đi số tiền 5.300.000đồng do chị B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001638 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Còn lại 7.349.999đồng chị B phải tiếp tục nộp.

Anh Lâm Vĩnh B thỏa thuận chịu 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (về phân cấp dưỡng nuôi con); 1.635.569đồng án phí dân sự phân chia tài sản; 10.864.430đồng án phí dân sự phần nợ chung. Tổng cộng 12.649.999đồng.

Bà Trần Thị T, ông Lâm Vĩnh D không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T, ông D số tiền 7.924.000đồng do ông D, bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001767 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Bà Phạm Thị T, ông Lê Văn U không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T, ông U số tiền 2.500.000đồng do bà T, ông U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001766 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 6.020.000 đồng do Ngân hàng TMCP K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001765 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Quỹ tín dụng nhân dân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND thị trấn/ xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bạch Tuyết